



gū shēn yī rén

孤身一人

adjective phrase · all alone; solitary

Example Sentences

Tā gū shēn yī rén lái dào zhè ge chéng shì dǎ pīn

他孤身一人来到这个城市打拼。

He came to this city all alone to strive.

Lǎo rén gū shēn yī rén zhù zài shān shàng de xiǎo wū lǐ

老人孤身一人住在山上的小屋里。

The old man lives all alone in a small cabin on the mountain.

Trace each character, then write the word on your own.

孤	孤	孤	孤	孤	孤	孤	孤	孤	孤	孤
身	身	身	身	身	身	身	身	身	身	身
一	一	一	一							
人	人	人	人	人						